

KIM CƯƠNG ĐỈNH DU GIÀ TỐI THẮNG BÍ MẬT THÀNH PHẬT TÙY CẦU TỨC ĐẮC THẦN BIẾN GIA TRÌ THÀNH TỰU ĐÀ LA NI NGHI QUY

Hán dịch: Đặc Tiến Thích Hồng Lô Khanh_ Chùa Đại Hưng Thiện, Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí **BẤT KHÔNG** phụng chiếu dịch
Việt dịch : HUYỀN THANH

Bấy giờ **Diệt Ác Thú Bồ Tát** (Sarva-apāya-jahā) ở trong Đại Tập Hội của Đức Phật **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana) từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay cung kính bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con vì chúng sinh trong nẻo ác của Thế Giới tạp nhiễm thuộc thời Mật Pháp ngày sau, mà nói **Diệt Tội Thành Phật Đà La Ni**, tu **ba Mật Môn**, chứng **Niệm Phật Tam Muội**, được sinh về Tịnh Thổ. Dùng phương tiện nào để cứu khổ ban vui cho chúng sinh bị tội nặng. Con muốn tế độ tất cả chúng sinh đau khổ”

Khi ấy Đức Phật bảo Diệt Ác Thú Bồ Tát rằng: “Đối với chúng sinh không biết ăn năn, không biết xấu hổ, Tà Kiến, buông lung thì không có Pháp tế độ. Lúc sống thì nhận chịu mọi điều khốn ách, lúc chết thì bị rơi vào Địa Ngục **Vô Gian** (Avīci), chẳng được nghe tên của Tam Bảo. Huống chi là chẳng nhìn thấy Phật thì làm sao mà được có lại thân người?!...”

Diệt Ác Thú Bồ Tát lại bạch rằng: “Phương tiện của Đức Như Lai chẳng thể đo lường được, Đức Như Lai có Thần Lực vô tận. Nguyện xin Đức Thế Tôn nói Pháp bát khổ bí mật. Đức Phật là cha mẹ của tất cả chúng sinh. Xin hãy vì chúng sinh năm trước mà nói Pháp **Quyết định thành Phật**”

Đức Phật bảo Diệt Ác Thú Bồ Tát rằng: “Ta có Pháp bí mật, là điều hiếm có trên đời, là Pháp tối thắng bậc nhất để **diệt tội thành Phật**. Pháp ấy tên là **Tùy Cầu Tức Đắc Chân Ngôn**.”

Nếu có người mới nghe qua **Đề Danh** (tên đầu đề) của Chân Ngôn này, hoặc tụng Đề Danh thì người gần gũi với người tụng Đề Danh, hoặc cùng ở một nơi thì người đầy đủ được tất cả hàng Thiên Ma, Quỷ ác, tất cả Thiện Thần Vương đi đến ủng hộ. Giả sử người đó ăn ngũ tân, giết hại cá, dâm dục với chị em gái, hoặc tất cả súc sinh nữ thì các **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka) cũng chẳng thể gây chướng ngại mà đều tùy thuận, ngày đêm thủ hộ, dứt trừ tai nạn khiến được an ổn, huống chi là tự mình niệm tụng.

Nếu tụng đầy đủ thì tất cả tội nặng đều được tiêu diệt, được vô lượng Phước Đức. Khi chết ắt sinh về **Thế Giới Cực Lạc** (Sukha-vatī). Tuy đã gây ra tội cực nặng cũng chẳng bị đọa vào Địa Ngục. Nếu giết hại cha mẹ, giết **A La Hán** (Arahat), phá sự hòa hợp của chư Tăng, làm cho thân Phật chảy máu, thiêu đốt Kinh Tượng, làm ô uế chốn **Già Lam** (Saṃghārāma), chê bai mọi người, khinh chê các lời dạy, khen mình chê người. Dù đã gây ra các tội như vậy vẫn quyết định sinh về cõi Cực Lạc, tự được **Thượng Phẩm**, tự hóa sinh trong hoa sen chẳng còn sinh trong bào thai. Có điều người mau thành Phật vì trước kia từng nghe Chân Ngôn này, người chậm thành Phật vì đời đời chẳng được nghe Chân Ngôn này.

Nếu người Nam, người Nữ, Đồng Nam, Đồng Nữ trì Đề Danh của Chân Ngôn này sẽ được an vui, không có các bệnh tật, sắc tướng đầy đủ sự rực rỡ, viên mãn cát tường, đều được thành tựu tất cả **Chân Ngôn Pháp**.

Nếu đem Đề Danh của Chân Ngôn này, hoặc 1 chữ, 2 chữ cho đến 10 chữ. Hoặc đem 1 câu, 2 câu cho đến 10 câu cùng một biến của Chân Ngôn để vào trong ngọc, vàng, bạc, lưu ly rồi đội trên đỉnh đầu thì người ấy tuy chưa vào Đàn liền thành người đã vào tất cả Đàn, thành kẻ **Đồng Hạnh** với người đã vào Đàn, ngang bằng với chư

Phật không có sai khác, chẳng gặp mộng ác, tội nặng được tiêu diệt. Nếu kẻ có Tâm ác hướng tới người ấy thì cũng chẳng làm hại được, tất cả việc đã làm đều thành tựu.

Đức Phật nói **Phổ Biền Diễm Man Thanh Tĩnh Xí Thịnh Tư Duy Bảo Ấn Tâm Vô Năng Thắng Tổng Trì Đại Tùy Cầu Đà La Ni**:

Năng mạc tát phộc đất tha nghiệt đá nam (Quy mệnh nghiệp Thân Khẩu Ý của Tỳ Lô Giá Na Phật tràn đầy khắp hư không diễn nói Giáo thâm sâu của **Kim Cương Nhất Thừa** thuộc ba Mật Môn của Như Lai)

[NAMAḤ SARVA TATHĀGATĀNĀM]

Năng mô năng mạc tát phộc một đà mạo địa tát đất-phộc tỳ-được (Quy mệnh Tâm Bản Giác, Pháp Thân Thường Trụ, đài sen Tâm của Pháp màu nhiệm, Đức của *ba Thân* trang nghiêm xưa nay, trụ Tâm của 37 Tôn thành các Tam Muội nhiều như số bụi nhỏ của Phổ Môn, **Pháp Nhiên** của *Nhân Quả* với *xa lia Nhân Quả*, đầy đủ vô biên gốc của biển Đức, viên mãn quay trở lại chư Phật của Tâm mà Con đỉnh lễ)

[NAMO NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHISATVEBHYAḤ]

Một đà đạt ma tăng kỳ tỳ-được (Nam mô Diệt Ác Thú Bồ Tát, Bậc cứu khổ ban vui cho Hữu Tình trong ba đường và khiến cho chúng sinh trong Pháp Giới lìa khổ được vui)

[BUDDHA DHARMA SAMGHEBHYAḤ]

Đất nhĩ-dã tha (Lời ấy nói rằng)

[TADYATHĀ]

[OM VIPULA GARBHE]

Vĩ bồ la vĩ ma lê (Tất cả chúng sinh diệt tội)

[VIPULA VIMALE]

Nhạ dã nghiệt bệ (Tất cả chúng sinh ban cho báu Như Ý)

[JAYA GARBHE]

Phộc nhật-la nhập-phộc la nghiệt bệ (Tất cả chúng sinh đoạn trừ phiền não)

[VAJRA JVALA GARBHE]

Nga để nga ha ninh (Tất cả chúng sinh thành tựu sự mong cầu)

[GATI GAHANE]

Nga nga năng vĩ thú đạt ninh (Tất cả chúng sinh Từ Bi che chở giúp đỡ)

[GAGANA VIŚODHANE]

Ấn, tát phộc bá bả vĩ thú đạt ninh (Tất cả chúng sinh trong Thế Giới không có Phật Từ Bi che chở giúp đỡ)

[OM SARVA PĀPA VIŚODHANE]

Ấn, ngu lỗ noa phộc để nga nga lệ ni (Tất cả chúng sinh cắt đứt sự khổ sinh trong Thai)

[OM GUṆA-VATI GAGARIṆI]

Nghĩ lệ, nghĩ lệ nghiêm ma lệ nghiêm ma lệ (Tất cả chúng sinh ban cho thức ăn uổng)

[GIRI GIRI GAMĀRI GAMĀRI]

Ngược hạ ngược hạ (Tất cả chúng sinh ban cho quần áo)

[GAHA GAHA]

Nghiệt nga lệ nghiệt nga lệ (Tất cả chúng sinh khiến cho mãi **Chúng sinh Ba La Mật**)

[GARGĀRI GARGĀRI]

Nghiêm ba lệ nghiêm ba lệ (Tất cả chúng sinh mãi **Nhĩn Nhục Ba La Mật**)

[GAMBHARI GAMBHARI]

Nga đễ nga đễ nga ma nãnh nga lệ (Tất cả chúng sinh mãn *Tinh Tiên Ba La Mật*)

[GATI GATI GAMANA GARE]

Ngu lỗ ngu lỗ ni (Tất cả chúng sinh mãn *Thiền Ba La Mật*)

[GŪRU GŪRUNE]

Tả lê, a tả lê (Tất cả chúng sinh mãn *Tuệ Ba La Mật*)

[CALE ACALE]

Mẫu tả lê, nhạ duệ vĩ nhạ duệ (Tất cả chúng sinh mãn *Phương Tiện Ba La Mật*)

[MUCALE JAYE VIJAYE]

Tát phộc bà đã vĩ nga đế nghiệt bà tam bà la ni (Tất cả chúng sinh mãn *Nguyện Ba La Mật*)

[SARVA BHAYA VIGATE GARBHA SAMBHARANI]

Tất lệ tất lệ nhĩ lệ kỳ lệ kỳ lệ tam mãn đá ca la-sái ni (Tất cả chúng sinh mãn *Lực Ba La Mật*)

[SIRI SIRI MIRI GHIRI GHIRI SAMANTA AKARŞANI]

Tát phộc thiết đốt-lỗ bát-la mạt tha nãnh (Tất cả chúng sinh mãn *Trí Ba La Mật*)

[SARVA ŚATRŪ PRAMATHANI]

La khắt-sái, la khắt-sái (Thành tựu)

[RAKŞA RAKŞA]

Ma ma (Cứu cánh)

[MAMA]

Tát phộc tát đát-phộc nan tả (Tất cả chúng sinh khiến xa lìa oán)

[SARVA SATVĀNĀMCA]

Vĩ lệ vĩ lệ vĩ nga đá phộc la noa ba đã năng xả nãnh (Tất cả chúng sinh khiến xa lìa Tham Dục)

[VIRI VIRI VIGATA AVARANI BHAYA NĀŚANI]

Tô lệ tô lệ tức lệ kiểm ma lê (Tất cả chúng sinh khiến xa lìa Tâm ngu si)

[SURI SURI CILI KAMALE]

Vĩ ma lê (Tất cả chúng sinh khiến xa lìa nạn khổ về ăn uống)

[VIMALE]

Nhạ duệ nhạ đã phộc hề nhạ dạ (Tất cả chúng sinh khiến xa lìa nạn khổ về nước)

[JAYE JAYAVAHE JAYA]

Phộc đễ bà nga phộc đễ (Tất cả chúng sinh khiến xa lìa nạn khổ về lửa)

[VATI BHAGAVATI]

La đát-nặng ma củ tra ma la đà lệ ni, phộc hộ, vĩ vĩ đà, tức đát-la (Tất cả chúng sinh khiến xa lìa sự sợ hãi về giặc cướp binh lính)

[RATNA MAKUṬA MĀLĀ DHĀRAṆĪ BAHU VIVIDHA CITRA]

Phệ sái, lỗ bả, đà lệ, bà nga phộc đễ, ma hạ vĩ nhĩ-dã nễ vĩ (Tất cả chúng sinh an ổn thân tâm)

[VEṢA RŪPA DHĀRI BHAGAVATI MAHĀ-VIDYA-DEVĪ]

La khắt-sái, la khắt-sái (Thành tựu)

[RAKŞA RAKŞA]

Ma ma (Cứu cánh)

[MAMA]

Tát phộc tát đát-phộc nan tả (Tất cả chúng sinh, cha mẹ đời quá khứ khiến cho thành Phật)

[SARVA SATVĀNĀMCA]

Tam mẫn đá tát phộc đất-la (Tất cả chúng sinh, cha mẹ trong 7 đời khiến cho thành Phật)

[SAMANTA SARVATRĀ]

Tát phộc bá bả vĩ thú đà nãnh (Tất cả chúng sinh, cha mẹ vĩnh viễn cắt đứt sự khổ về sinh tử)

[SARVA PĀPA VIŚODHANE]

Hộ lỗ hộ lỗ (Tất cả chúng sinh, cha mẹ được trường thọ)

[HURU HURU]

Nặc khát-sái đất-la (Tất cả chúng sinh không có bệnh hoạn)

[NAKṢATRA]

Ma la, đà li ni (Tất cả chúng sinh khiến cho phát Tâm Bồ Đề)

[MĀLĀ DHĀRANĪ]

La khát-sái, la khát-sái (Thành tựu)

[RAKṢA RAKṢA]

Hàm (Quyết định)

[MĀM]

Ma ma (Cứu cánh)

[MAMA]

A nẵng tha tả đất-la noa bả la dã noa tả (Diệt tội sát sinh)

[ĀNATHAṢYA ATRANA PARĀYANAṢYA]

Bả li mô tả, dã minh, tát phộc nậu khế tỳ-được, tán ni (Diệt tội trộm cắp)

[PARIMOCA YĀME SARVA DUḤKHEBHYAḤ CAṆḌI]

Tán ni, tán ni nãnh, phệ nga phộc đẽ (Diệt tội Dâm Dục)

[CAṆḌI CAṆḌINI VEGA-VATI]

Tát phộc nốt sắt-tra, nãnh phộc la ni, thiết đốt-lỗ, bạc khát-sái, bát-la mặt tha nãnh, vĩ nhạ dã, phộc tứ nãnh (Diệt tội nói dối)

[SARVA DUṢṬA NIVĀRANĪ ŚATRŪ-PAKṢA PRAMATHANI VIJAYA VĀHANI]

Hộ lỗ hộ lỗ (Diệt tội buôn bán rượu)

[HURU HURU]

Tổ lỗ tổ lỗ (Diệt tội khen mình chê người)

[CURU CURU]

A dục bá la nãnh tô la phộc la mặt tha nãnh (Diệt tội tham lam keo kiệt)

[ĀYUḤ PĀLANI SURĀ VARĀ MATHANI]

Tát phộc nễ phộc đá bố tư đẽ (Diệt tội giận dữ)

[SARVA DEVATĀ PŪJITE]

Địa li địa li (Diệt tội phỉ báng)

[DHIRI DHIRI]

Tam mẫn đá phộc lộ chỉ đẽ (Diệt tội uống rượu)

[SAMANTA AVALOKITE]

Bát-la bệ bát-la bệ [Diệt tội ăn Ngũ Tân (Hành, họ, tỏi, nén, hưng cừ)]

[PRABHE PRABHE]

Tổ bát-la bà vĩ thuận đẽ (Diệt tội hại chim cá để ăn thịt)

[SUPRABHA VIŚUDDHE]

Tát phộc bá bả vĩ thú đà ninh (Diệt tội Phá Giới, làm cho đầy đủ Giới)

[SARVA PĀPA VIŚODHANE]

Đạt la, đạt la, đạt la ni, đạt la, đạt lệ (Diệt tội chằng dẫy dõ)

[DHARA DHARA DHARANĪ_ DHARA DHARE]

Tô mầu tô mầu [Diệt tội của **ba Độc** (Tham, Sân, Si)]
 [SUMU SUMU]

Lỗ lỗ tả lê [Diệt tội của **ba Lộ** (Dục Lộ, Hữu Lộ, Vô Minh Lộ)]
 [RURU CALE]

Tá la dã, nộ sát-thiền, bố la dã [Diệt tội của **ba điều không thật** (Nhân Thành Giả, Tương Tục Giả, Tương Đãi Giả)]
 [CALĀYA DUṢṬAM PŪRAYA]

Minh a thiền [Diệt tội của **ba Hữu** (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới)]
 [ME ĀSĀM]

Thất-lị phộc bổ đà nan nhạ dã kiểm ma lê [Diệt tội của **bốn Thức Trụ** (Sắc Thức Trụ, Thọ Thức Trụ, Tưởng Thức Trụ, Hành Thức Trụ)]
 [ŚRĪ VAPUDHANAM JAYA KAMALE]

Khất-sử ni, khất-sử ni [Diệt tội của **bốn giòng chảy** (tứ Lưu: Kiến Lưu, Dục Lưu, Hữu Lưu, Vô Minh Lưu)]
 [KṢIṆI KṢIṆI]

Phộc la nễ phộc la năng cử thể [Diệt tội của **bốn sự chọn lấy** (tứ Thủ: Dục Thủ, Kiến Thủ, Giới Cấm Thủ, Ngã Ngữ Thủ)]
 [VARADE VARADA ANKUṢE]

Ăn bát nạp-ma vĩ thuận đê [Diệt tội của **bốn Báo** (hiện báo, sinh báo, hậu báo, vô báo)]
 [OM PADMA VIŚUDDHE]

Thú đà dã, thú đà dã, vĩ thuận đê [Diệt tội của **bốn Duyên** (Nhân Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Tăng Thượng Duyên)]
 [ŚODHAYA ŚODHAYA VIŚUDDHE]

Bả la bả la [Diệt tội của **bốn Đại** (đất, nước gió, lửa)]
 [BHARA BHARA]

Tị lị tị lị [Diệt tội của **bốn sự cột trời** (tứ Phộc: Dục Ai Thân Phộc, Sân Khuê Thân Phộc, Giới Đạo Thân Phộc, Thân Kiến Thân Phộc)]
 [BHIRI BHIRI]

Bộ lỗ bộ lỗ [Diệt tội của **bốn cách ăn** (tứ Thực: Đoạn Thực, Xúc Thực, Tư Thực, Thức Thực)]
 [BHURU BHURU]

Mộng nga la vĩ thuận đê [Diệt tội của **bốn cách Sinh** (tứ sinh: Noãn Sinh, Thai Sinh, Thấp Sinh, Hoá Sinh)]
 [MAṆGALA VIŚUDDHE]

Bả vĩ đất-la mục khí [Diệt tội của **năm Trụ Địa** (Kiến Nhất Thiết Trụ Địa, Dục Ai Trụ Địa, Sắc Ai Trụ Địa, Hữu Ai Trụ Địa)]
 [PAVITRA MUKHE]

Khất nghĩ ni, khất nghĩ ni [Diệt tội của **năm Thọ Căn** (khổ, yêu thích, lo, vui vẻ, buông bỏ)]
 [KHARGANI KHARGANI]

Khứ la khứ la [Diệt tội của **năm sự che lấp** (ngũ Cái: Tham Dục Cái, Sân Khuê Cái, Hôn Miên Cái, Trạo Cử Ac Tác Cái, Nghi Cái)]
 [KHARA KHARA]

Nhập-phộc lị đa thủy lệ (Diệt tội của **năm loại kiên cố**)
 [JVALITA ŚIRE]

Tam mãn đa bát-la sa lị đá [Diệt tội của **năm Kiến** (Thân Kiến, Biên Chấp Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Cấm Thủ Kiến)]
 [SAMANTA PRASARITA]

Phộc bà tất đa thuấn đê [Diệt tội của *năm Tâm* (Suất Nhĩ Tâm, Tâm Cầu Tâm, Quyết Định Tâm, Nhiệm Tịnh Tâm, Đăng Lưu Tâm)]

[AVABHAṢITA ŚUDDHE]

Nhập-phộc la, nhập-phộc la (Diệt tội của *Vân Tinh Căn*)

[JVALA JVALA]

Tất phộc nễ phộc nga noa [Diệt tội của *sáu Thức* (Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Ty Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, Ý Thức)]

[SARVA DEVA-GAṆA]

Tam ma ca la-sái ni [Diệt tội của *sáu Tướng* (Tổng Tướng, Biệt Tướng, Đồng Tướng, Dị Tướng, Thành Tướng, Hoại Tướng)]

[SAMA AKARṢAṆI]

Tất đễ-dã phộc đễ [Diệt tội của *sáu Ái* (sáu sự yêu thương được sinh ra khi sáu Căn tiếp xúc với sáu Trần)]

[SATYA-VATI]

Đa la [Diệt tội của *sáu Hạnh* (Thập Tín Hạnh, Thập Trụ Hạnh, Thập Hành Hạnh, Thập Hồi Hướng Hạnh, Thập Địa Hạnh, Đăng Giác Hạnh)]

[TĀRA]

Đá la dã hàm (Diệt tội của *sáu Ái*)

[TĀRĀYA MAM]

Năng nga vĩ lộ chỉ đễ la hộ la hộ (Diệt tội của *sáu điều nghi ngờ*)

[NĀGA-VILOKITE LAHU LAHU]

Hộ nỗ hộ nỗ [Diệt tội của *bảy Lậu* (Kiến Lậu, Tu Lậu, Căn Lậu, Ac Lậu, Thân Cận Lậu, Thọ Lậu, Niệm Lậu)]

[HUNU HUNU]

Khất-sử ni, khất-sử ni (Diệt tội của *bảy điều nghi định*)

[KṢIṆI KṢIṆI]

Tất phộc ngật-la hạ bạc khất-sái ni [Diệt tội của *tám Đáo* (Đất mà tám phương đã đến tức bốn phương bốn góc)]

[SARVA GRAHA BHAKṢAṆI]

Băng nghiệp li, băng nghiệp li [Diệt tội của *tám nỗi Khổ* (Sinh Khổ, Lão Khổ, Bệnh Khổ, Tử Khổ, Ai Biệt Ly Khổ, Oán Tăng Hội Khổ, Cầu Bất Đắc Khổ, Ngũ Am Thịnh Khổ)]

[PIṆGALI PIṆGALI]

Tổ mẫu tổ mẫu, tổ mẫu tổ mẫu {Diệt tội của *tám loại vọng tưởng* (bát câu: Niệm Phiền Não, Bất Niệm Phiền Não, Niệm Bất Niệm Phiền Não, Ngã Phiền Não, Ngã Sở Phiền Não, Tự Tính Phiền Não, Sai Biệt Phiền Não, Nhiếp Thọ Phiền Não)}

[CUMU CUMU SUMU SUMU]

Tổ vĩ tả lệ (Diệt tội của *chín ách nạn ngang trái*)

[CUI CARE]

Đa la đa la, năng nga vĩ lộ chỉ nãnh (Diệt tội của *chín điều sửa trị*)

[TĀRA TĀRA NĀGA-VILOKINA]

Đá la dã đồ hàm (Diệt tội của *chín Thượng Duyên*)

[TĀRĀYA TUMAM]

Bà nga phộc đễ (Diệt tội của *mười loại Phiền Não*)

[BHAGAVATI]

A sát-tra ma ha đát lỗ ná bà duệ tỳ-được (Diệt tội của *mười sự cột trời*)

[AṢṬA MAHĀ-DĀRUṆE BHAYEBHYAḤ]

Tam mẫu nại-la sa nga la (Diệt tội của *mười một Biển Sứ*)

[SAMUDRA SĀGARA]

Bát li-diễn đảm (Diệt tội của *mười sáu Tri Kiến*)
 [PRATYANTĀM]

Bá đá la nga nga năng đất lam (Diệt tội của *mười tám Giới*)
 [PĀTĀLA GAGANA TALAM]

Tát phộc đất-la tam mãn đế năng (25 Ngã)
 [SARVATRĀ SAMANTENA]

Tri xả mãn đệ năng phộc nhật-la bát-la ca la (60 Cánh)
 [DIŚA BANDHENA VAJRA PRĀKĀRA]

Phộc nhật-la bá xả, mãn dẫn nịnh năng (Kiến đế tư duy 98 Sứ 108 Phiền Não)
 [VAJRA PĀŚA BANDHANE]

Phộc nhật-la nhập-phộc la vĩ thuận đệ (Hai *Tuệ Minh*, ba *Tân Lãng*)
 [VAJRA JVALA VIŚUDDHE]

Bộ li bộ li (Quảng Tứ Đẳng Tâm = Tâm của 4 nhóm rộng rãi)
 [BHURI BHURI]

Nghiệt bệ phộc đễ (20 Trụ Diệp)
 [GARBHE-VATI]

Nghiệt bà vĩ thú đà nãnh (Diệt 4 nẻo Ác, đượ 4 Vô úy)
 [GARBHA VIŚODHANE]

Cộc khắt-sử tam bố la ni (Hoá độ *năm đường*:Địa Ngục, quỷ đói, súc sinh, người, Trời)
 [KUKMI SAMPŪRAṆI]

Nhập-phộc la, nhập-phộc la (hộ vệ *năm Căn*: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân)
 [JVALA JVALA]

Tả la tả la (Tịnh *năm loại mắt*: Nhục Nhãn, Thiên Nhãn, Tuệ Nhãn, Pháp Nhãn, Phật Nhãn)
 [CALA CALA]

Nhập-phộc li nãnh (Thành *năm Phần*)
 [JVALINI]

Bát-la vạt sái đồ nễ phộc (Đầy đủ *sáu Thân Thông*)
 [PRAVAŚATU DEVA]

Tam mãn đế năng (Mãn túc Nghiệp của *sáu Độ* :Bồ Thí Độ, Trì Giới Độ, Nhẫn Nhục Độ, Tinh Tiến Độ, Thiền Định Độ, Trí Tuệ Độ)
 [SAMANTENA]

Nễ nhĩ-dữ ná kế năng (Chẳng sáu Trần mê hoặc)
 [DIDHYODAKENA]

A mật-lật đa phộc la-sái ni [Thường hành *sáu Diệu Hạnh* (đồng với sáu Hạnh Quán)]
 [AMṚTA VARṢAṆI]

Nễ phộc đá phộc đá la ni (Đời đời kiếp kiếp ngồi trên bảy đoá hoa trong sạch)
 [DEVA DEVA DHĀRAṆI]

A tị sẩn tả, đồ minh, tô nga đa, phộc la, phộc tả năng (8 loại nước tẩy rửa bụi trần)
 [ABHIṢIMCA TUME SUGATA VARA VACANA]

A mật lật đa, phộc la, phộc bồ sái (Đầy đủ *9 Đoạn Trí*)
 [AMṚTA VARA VAPUṢPE]

La khắt-sái, la khắt-sái (Thành tựu)
 [RAKṢA RAKṢA]

Ma ma (Cứu cánh)
 [MAMA]

Tát phộc tát đất-phộc nan tả (Thành *Hạ Địa Hạnh*)
[SARVA SATVĀNĀMCA]

Tát phộc đất-la tát phộc ná (*11 Không Giải*, thường dùng để trừ Tâm Tụ Tại)
SARVATRĀ SARVADĀ

Tát phộc bà duệ tỳ-được (Hay chuyển *Trung Nhị Hạnh Luân*)
[SARVA BHAYEBHYAḤ]

Tát mạo bát nại-la phệ tỳ-được (Đầy đủ *18 Pháp Bất Cộng*)
[SARVOPADRAVEBHYAḤ = SARVA-UPADRAVEBHYAḤ]

Tát mạo bả được nghệ tỳ-được (Viên mãn vô lượng tất cả Công Đức)
[SARVOPASARGE BHYAḤ = SARVA-UPARARGE BHYAḤ]

Tát phộc nộ sắt-tra bà dã tị đất tả [Đời đời kiếp kiếp cắt đứt *sự ngăn che của Kiêu Mạn* (kiêu mạn chướng)]
[SARVA DUṢṬA BHAYA BHĪTAṢYA]

Tát phộc ca lị ca la ha (Làm khô cạn dòng nước Ai Dục)
[SARVA KĀLI KALAHA]

Vĩ tát-la ha, vĩ phộc ná (Diệt ngọn lửa giận dữ)
[VIGRAHA VIVĀDA]

Nỗ sa-phộc bả-nan, nột la nãnh nhĩ đá, mộng nguyệt-ly dã lô già dã, bả vĩ năng xả nãnh (Vĩnh viễn nhỏ cắt hết *Si Tưởng*)
[DUḤSVAPNĀM DURNI MINTA AMAMGALLYA PĀPA VINĀŚANI]

Tát phộc được khát-xoa, la khát-xoa sa (xé nát lưới võng của *các Kiến*)
[SARVA YAKṢA RĀKṢASA]

Năng nga nãnh phộc la ni (Khéo tu Đạo bền chắc của con người)
[NĀGA NIVĀRANI]

Tát la ni tát lệ ma la ma la ma la phộc để (Chính hướng Bồ Đề)
[SARAṆI SARE BALA BALA BALA-VATI]

Nhạ dã nhạ dã nhạ dã đồ hàm (Thành tựu Pháp *37 Phẩm Trợ Đạo*)
[JAYA JAYA JAYA TUMAM]

Tát phộc đất-la tát phộc ca lam (Được Thân Kim Cương)
[SARVATRĀ SARVA KĀRAM]

Tát chiêu đồ minh, ế hàm, ma hạ vĩ niệ (Được thọ mệnh không cùng tận)
[SIDDHYANTUME IMĀM VIDYA]

Sa đà dã sa đà dã (Vĩnh viễn xa lià sự oán hận, không có Tâm giết hại)
SĀDHAYAT SĀDHAYAT

Tát phộc mạn noa la sa đà nãnh (Thường nhận được sự an vui)
[SARVA MAṆḌALA SĀDHANI]

Già đa dã tát phộc vĩ-cận năng (Nghe tên nghe tiếng đều trừ khủng bố)
[GHĀTAYA SARVA VIGHNAM]

Nhạ dã nhạ dã (Mãn túc sự mong cầu)
[JAYA JAYA]

Tát đệ, tát đệ, tổ tát đệ (Ai biệt ly khổ)
[SIDDHE SIDDHE SUSIDDHE]

Tát-địa dã, tát-địa dã (Trừ tai hoạ, được an vui)
[SIDDHYA SIDDHYA]

Một-địa dã, một-địa dã (Trừ bệnh, được sống lâu)
[BUDDHYA BUDDHYA]

Mạo đà dã, mạo đà dã, bố la dã (Trừ nạn về quan quyền)
[BODHAYA BODHAYA]

Bố la ni, bố la ni (Sinh sản an ổn)

[PŪRAṆI PŪRAṆI]

Bố la dã minh a khố (Trừ khử, giảng phục oán tặc)

[PŪRAYA ME ĀŚĀM]

Tát phục vĩ nễ-dã vĩ nga đa một đế nhạ dụ đa li (Khiến cho vua chúa kính yêu)

[SARVA VIDYA VIGATA MŪRTTE JYOTTARI]

Nhạ dạ phục đế (Mọi người kính yêu)

[JAYA VATI]

Để sắt-tra, để sắt-tra (Người Trời kính yêu)

[TIṢṬA TIṢṬA]

Tam ma dã ma nộ bá la dã (Hậu Phi kính yêu)

SAMAYAM ANUPĀLAYA

Đát tha nghiệt đa (Phụ Nhân kính yêu)

[TATHĀGATA]

Hột-li nãi dã (Người nữ kính yêu)

[HRDAYA]

Thuần đệ (Bà La Môn kính yêu)

[ŚUDDHE]

Nhĩ-dã phục lộ ca dã đồ hàm (Tể Quan kính yêu)

[VYĀVALOKAYA TUMAM]

A sắt-tra ty ma hạ ná lỗ noa bà duệ tỳ-được (Đại Thần kính yêu)

[AṢṬA BHIRI MAHĀ-DĀRUṆA BHAYEBHYAḤ]

Tát la tát la (Cư Sĩ kính yêu)

[SARA SARA]

Bát-la tát la, bát-la tát la (Trưởng Giả, Trưởng Giả)

[PRASARA PRASARA]

Tát phục phục la noa, vĩ thú đà nãnh, tam mãn đá, ca la, mãn noa la, vĩ thuần đệ (Đế Thích, Đế Thích)

[SARVA AVARAṆA VIŚODHANE SAMANTA KĀRA MAṆḌALA VIŚUDDHE]

Vĩ nghiệt đế, vĩ nghiệt đế (Phạm Vương, Phạm Vương)

[VIGATE VIGATE]

Vĩ nga đa ma la (Đại Tự Tại Thiên, Đại Tự Tại Thiên)

[VIGATA MALA]

Vĩ thú đà nãnh (Thiên Đế Tướng Quân, Thiên Đế Tướng Quân)

[VIŚODHANE]

Khất-sử ni, khất-sử ni (Đồng nam đồng nữ, đồng nam đồng nữ)

[KṢIṆI KṢIṆI]

Tát phục bá bả (Thiên Long, Thiên Long)

[SARVA PĀPA]

Vĩ thuần đệ (Dạ xoa, Dạ Xoa)

[VIŚUDDHE]

Ma la vĩ nghiệt đế (Càn Thát Bà kính yêu)

[MĀRA VIGATE]

Đế nhạ phục đế (A Tu La, A Tu La)

[TEJA-VATI]

Phục nhật-la phục đế (Ca Lô La, Ca Lô La)

[VAJRA-VATI]

Đát-lạt lộ chỉ-dã (Tỳ Lô Giá Na hộ niệm)

[TRAILOKYA]

Địa sắt-xỉ đế (*Tăng Ích* thành tựu)

[ADHIṢṬITE]

Sa-phộc hạ (*Tức Tai* thành tựu)

[SVĀHĀ]

Tát phộc đát tha nghiệt đa một đà (*A Súc Phật Kim Cương Ba La Mật* hộ niệm)

[SARVA TATHĀGATA BUDDHA]

Tỳ sắc khát đế (*Tăng Ích* thành tựu)

[ABHIṢIKTE]

Sa-bà hạ (*Tức Tai* thành tựu)

[SVĀHĀ]

[Từ đây trở xuống đều giống nhau cho nên không ghi chú. Bên trong một câu có 3 câu: Câu đầu là *tên Phật hộ niệm*, câu giữa là *Tăng Ích thành tựu*, câu cuối là *Tức Tai thành tựu*. Ví dụ như **Tát phộc đát tha nghiệt đa một đà** (SARVA TATHĀGATA BUDDHA) là A Súc Phật Kim Cương Ba La Mật hộ niệm. **Tỳ sắc khát đế** (ABHIṢIKTE) là Tăng Ích thành tựu. **Sa-bà hạ** (SVĀHĀ) là Tức Tai thành tựu. Sau này dựa theo đây đều có thể thấy]

Tát phộc mạo địa tát đát-phộc tỳ sắc khát-đế, sa-bà hạ (SARVA BODHISATVA ABHIṢIKTE SVĀHĀ)

Tát phộc nễ phộc đa, tỳ sắc khát-đế, sa-bà hạ (SARVA DEVATĀ ABHIṢIKTE SVĀHĀ)

Tát phộc đát tha nghiệt đa hột-lị nãi dã, địa sắt xỉ đa hột-lị nãi duệ, sa-bà hạ (SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA ADHIṢṬITA HṚDAYE SVĀHĀ)

Tát phộc đát tha nghiệt đa tam ma dã, tát đệ, sa-bà hạ (SARVA TATHĀGATA-SAMAYA SIDDHE SVĀHĀ)

Ấn nại-lệ, ấn nại-la phộc đế, ấn nại-la nhĩ-dã phộc lộ chỉ đế, sa-bà hạ (INDRE INDRA-VATI INDRA VYĀVALOKITE SVĀHĀ)

Một-la hám-minh, sa-bà hạ (BRAHME SVĀHĀ)

Một-la hám-ma nễ-dữ sử đế, sa-bà hạ (BRAHMA ADHYUṢṬE SVĀHĀ)

Vĩ sát-noa năng mạc tắc khát-lị đế, sa-bà hạ (VIṢṆU NAMASKṚTE SVĀHĀ)

Ma hê thấp-phộc la mãn nễ đa đa bộ nhĩ đá duệ, sa-bà hạ (MAHEŚVARA VANDITA PŪJITAYE SVĀHĀ)

Phộc nhật-la bá ni, ma la vĩ lị-duệ địa sắt-xỉ đế, sa-bà hạ (VAJRA-PĀṆI BALA VĪRYE ADHIṢṬITE SVĀHĀ)

Địa-lị đa-la sắt tra-la sắt tra-la dã, sa-bà hạ (DHRĪTA-RĀṢṬRĀYA SVĀHĀ)

Vĩ lỗ trà ca dã, sa-bà hạ (VIRŪDHĀKĀYA SVĀHĀ)

Vĩ lỗ bá khát-sái dã, sa-bà hạ (VIRŪPĀKṢĀYA SVĀHĀ)

Vĩ thất-la ma noa dã, sa-bà hạ (VAIŚRAVAṆĀYA SVĀHĀ)

Tạt đốt la ma hạ la nhạ ná mạc tắc khát-lị đá dã, sa-bà hạ (CATUR MAHĀ-RĀJA NAMASKṚTĀYA SVĀHĀ)

Diễm ma dã, sa-bà hạ (YAMĀYA SVĀHĀ)

Diễm ma bố nhĩ đa ná mạc tắc khát-lị đá dã, sa-bà hạ (YAMA PŪJITA NAMASKṚTĀYA SVĀHĀ)

Phộc lỗ noa (Thủy Thiên hộ niệm) **dã** (Tăng Ích thành tựu) **sa-bà hạ** (Tức Tai thành tựu) (VARUṆĀYA SVĀHĀ)

(Từ đây trở xuống dựa theo đây mà thấy biết vậy)

Ma lỗ đá dã, sa-bà hạ (MARŪTĀYA SVĀHĀ)

Ma hạ ma lỗ đá dã, sa-bà hạ (MAHĀ-MARŪTĀYA SVĀHĀ)
A ngân-năng duệ, sa-bà hạ (AGNAYE SVĀHĀ)
Năng nga vĩ lộ chỉ đá dã, sa-bà hạ (NĀGA-VILOKITĀYE SVĀHĀ)
Nễ phộc nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (DEVA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
Năng nga nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (NĀGA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
Dược khát-sái nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (YAKṢA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
La khát-sái sa nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (RĀKṢASA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
Ngạn đật phộc nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (GANDHARVA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
A tô la nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (ASURA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
Nga lỗ noa nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (GARUḌA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
Khẩn na la nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (KIMNARA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
Ma hộ la nga nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (MAHORAGA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
Ma nộ sái tỳ-dược, sa-bà hạ (MANUṢYEBHYAḤ SVĀHĀ)
A ma nộ sái tỳ-dược, sa-bà hạ (AMANUṢYEBHYAḤ SVĀHĀ)
Tát phộc nghiệt-la hề tỳ-dược, sa-bà hạ (SARVA GRAHEBHYAḤ SVĀHĀ)
Tát phộc ná khát-sái đát-lễ tỳ-dược, sa-bà hạ (SARVA NAKṢATREBHYAḤ SVĀHĀ)
Tát phộc bộ đế tỳ-dược, sa-bà hạ (SARVA BHŪTEBHYAḤ SVĀHĀ)
Tát-lị đế tỳ-dược, sa-bà hạ (PRETEBHYAḤ SVĀHĀ)
Tỷ xá tế tỳ-dược, sa-bà hạ (PIŚĀCEBHYAḤ SVĀHĀ)
A bả sa-ma lệ tỳ-dược, sa-bà hạ (APASMĀREBHYAḤ SVĀHĀ)
Án, độ lỗ độ lỗ, sa-bà hạ (OM DHURU DHURU SVĀHĀ)
Án, đồ lỗ đồ lỗ, sa-bà hạ (OM TURU TURU SVĀHĀ)
Án, mẫu lỗ mẫu lỗ, sa-bà hạ (OM MURU MURU SVĀHĀ)
Hạ năng hạ năng tát phộc thiết đót-lỗ nẫm, sa-bà hạ (HANA HANA SARVA ŚATRŪNĀM SVĀHĀ)
Ná hạ ná hạ tát phộc nột sắt-tra bát-la nột sắt-tra nẫm, sa-bà hạ (DAHA DAHA SARVA DUṢṬA PRADUṢṬA SVĀHĀ)
Bả tả bả tả tát phộc bát-la thất dịch ca ba-la đễ-dã nhĩ đát-la nẫm duệ ma. A tứ đế sử noa đế sam tát phệ sam thiết lị lam nhập-phộc la dã nột sắt-tra tức đá nẫm, sa-bà hạ (PACA PACA SARVA PRATYARTHĪKA PRATYĀMITRANĀM YE MAMA AHITEṢINA TEṢAM SARVEṢĀM ŚARIRAM JVALĀYA ADUṢṬA-CITTĀNĀM SVĀHĀ)
Nhập-phộc lị đá tỳ dã, sa-bà hạ (JVALITĀYA SVĀHĀ)
Bát-la nhập-phộc lị đá dã, sa-bà hạ (PRAJVALITĀYA SVĀHĀ)
Nhĩ bả-đá nhập-phộc la dã, sa-bà hạ (DĪPTA JVALĀYA SVĀHĀ)
Tam mãn đa nhập-phộc la dã, sa-bà hạ (SAMANTA JVALĀYA SVĀHĀ)
Ma ni bạt nại-la dã, sa-bà hạ (MAṆI-BHADRĀYA SVĀHĀ)
Bố la-noa bạt nại-la dã, sa-bà hạ (PŪRṆA-BHADRĀYA SVĀHĀ)
Ma hạ ca la dã, sa-bà hạ (MAHĀ-KĀLĀYA SVĀHĀ)
Ma đễ-lị nga noa dã, sa-bà hạ (MĀTR-GANĀYA SVĀHĀ)
Dược khát-sử ni nẫm, sa-bà hạ (YAKṢAṆĪNĀM SVĀHĀ)
La khát-sái tỷ nẫm nẫm, sa-bà hạ (RĀKṢASĪNĀM SVĀHĀ)
La đễ-lị tả la nẫm, sa-bà hạ (RĀTR-CARĀṆĀM SVĀHĀ)
Nhĩ phộc sa tả la nẫm, sa-bà hạ (DIVASA-CARĀṆĀM SVĀHĀ)

Đê-lị tán địa-dã tả la nãm, sa-bà hạ (TRISANTYA- CARĀṆĀM SVĀHĀ)
Phê la tả la nãm, sa-bà hạ (VELA- CARĀṆĀM SVĀHĀ)
A phê la tả la nãm, sa-bà hạ (AVELA- CARĀṆĀM SVĀHĀ)
Nghiệt bà hạ lệ tỳ-duợc , sa-bà hạ (GARBA-HĀREBHYAḤ SVĀHĀ)
Nghiệt bà tán đá la ni, sa-bà hạ (GARBA SANDHĀRAṆI SVĀHĀ)
Hộ lỗ hộ lỗ, sa-bà hạ (HURU HURU SVĀHĀ)
Án, sa-bà hạ (OM SVĀHĀ)
Sa-phộc, sa-bà hạ (SVĀḤ SVĀHĀ)
Bộc, sa-bà hạ (BHŪḤ SVĀHĀ)
Bộ phộc, sa-bà hạ (BHŪVĀḤ SVĀHĀ)
Án, bộ la-bộ phộc sa-phộc, sa-bà hạ (OM_ BHŪR-BHŪVĀḤ SVĀḤ SVĀHĀ)
Túc trí túc trí, sa-bà hạ (CITI CITI SVĀHĀ)
Vĩ trí vĩ trí, sa-bà hạ (VITI VITI SVĀHĀ)
Đà la ni, sa-bà hạ (DHĀRĀNĪ SVĀHĀ)
Đà la ni, sa-bà hạ (DHARAṆI SVĀHĀ)
A cật nãnh, sa-bà hạ (AGNI SVĀHĀ)
Đế đỗ phộc bổ, sa-bà hạ (TEJO VĀYU SVĀHĀ)
Túc lị túc lị, sa-bà hạ (CILI CILI SVĀHĀ)
Tất lị tất lị, sa-bà hạ (SILI SILI SVĀHĀ)
Một địa-dã một địa-dã, sa-bà hạ (BUDDHYA BUDDHYA SVĀHĀ)
Tất địa dã tất địa dã, sa-bà hạ (SIDDHYA SIDDHYA SVĀHĀ)
Mạn noa la tất đê, sa-bà hạ (MAṆḌALA SIDDHE SVĀHĀ)
Mạn noa la mãn đê, sa-bà hạ (MAṆḌALA BANDHE SVĀHĀ)
Tỷ ma mãn đà nãnh, sa-bà hạ (SĪMĀ BANDHANI SVĀHĀ)
Tát phộc thiết đót-lỗ nãm tiệm ba tiệm ba, sa-bà hạ (SARVA ŚATRŪNĀM JAMBHA JAMBHA SVĀHĀ)
Sa-đảm bà dã sa-đảm bà dã, sa-bà hạ (STAMBHĀYA STAMBHĀYA SVĀHĀ)
Thân na thân na, sa-bà hạ (CCHINDA CCHINDA SVĀHĀ)
Tần na tần na, sa-bà hạ (BHINDA BHINDA SVĀHĀ)
Bạn nhạ bạn nhạ, sa-bà hạ (BHAÑJA BHAÑJA SVĀHĀ)
Mãn đà mãn đà, sa-bà hạ (BANDHA BANDHA SVĀHĀ)
Mãng hạ dã mãng hạ dã, sa-bà hạ (MOHAYA MOHAYA SVĀHĀ)
Ma ni vĩ truật đê, sa-bà hạ (MAṆI VIŚUDDHE SVĀHĀ)
Tố lị-duệ tố lị-dã vĩ truật đê vĩ thú đà nãnh, sa-bà hạ (SŪRYE SŪRYA VIŚODHANE SVĀHĀ)
Tán nại-lệ tô tán nại-lệ bổ la-noa tán nại-lệ, sa-bà hạ (CANDRE SUCANDRE PŪRṆA-CANDRE SVĀHĀ)
Khur la hề tỳ-duợc, sa-bà hạ (GRAHEBHYAḤ SVĀHĀ)
Nhược khát-sát đát-lệ tỳ-duợc, sa-bà hạ (NAKṢATREBHYAḤ SVĀHĀ)
Thủy phê, sa-bà hạ (ŚIVE SVĀHĀ)
Phiên đê, sa-bà hạ (ŚĀNTI SVĀHĀ)
Sa-phộc sa đê-dã dã minh, sa-bà hạ (SVASTYA YANE SVĀHĀ)
Thủy noan yết lị phiên đê yết lị bổ sát trí yết lị ma la mặt đạt nãnh, sa-bà hạ (ŚIVAM KARI ŚĀNTI KARI PUṢṬI KARI BALA VARDHANI SVĀHĀ)
Thất-lị yết lị. Sa-bà hạ (ŚRĪ KARI SVĀHĀ)
Thất-lị dã mặt đạt nãnh, sa-bà hạ (ŚRĪYA VARDHANI SVĀHĀ)

Thất-lị dã nhập-phộc la nãnh, sa-bà ha (ŚRĪYA JVALANI SVĀHĀ)

Nãng mầu tư, sa-bà hạ (NAMUCI SVĀHĀ)

Ma lỗ tư, sa-bà hạ (MURUCI SVĀHĀ)

Phệ nga phộc đề, sa-bà hạ (VEGA VATI SVĀHĀ)

Chân Ngôn này là Trí Căn Bản của vô số ức hằng hà sa chư Phật. Là Chân Ngôn lưu xuất từ vô lượng chư Phật. Do trì Chân Ngôn này mà Đức Phật thành Đạo, cho nên chư Phật ba đời trải qua vô số vạn ức kiếp, Đức **Tỳ Lô Giá Na Như Lai** (Vairocana-tathāgata) tự ở trong Pháp Giới Trí chắm dứt vô số kiếp để cầu được. Do đây có tên là **Tùy Cầu Tức Đắc Chân Ngôn**. Tất cả chư Phật chẳng được Chân Ngôn này thì chẳng thành Phật. Ngoại Đạo, Bà La Môn được Chân Ngôn này sẽ mau chóng thành Phật.

Tại sao thế ? Xưa kia tại nước **Ma Kiệt Đà** (Magadha) có một vị **Bà La Môn** (Brāhmaṇa) tên là **Câu Bác**. Vị Bà La Môn này chẳng thấy Phật, chẳng nghe Pháp, Chẳng có *sáu Ba La Mật Hạnh*, chẳng có bốn *Vô Lượng Trụ*. Ngày ngày giết các loài heo, dê, gấu, nai, ngỗng, gà, rùa... để ăn. Như vậy đều đều mỗi ngày từ 50 cho đến 100 sinh mạng. Trải qua 250 năm thì vị Bà La Môn này qua đời, liền từ bỏ nhân gian đi đến **cung của vua Diêm La** (Yama-pura)

Khi ấy **vua Diêm La** (Yama-rāja) bạch với **Đế Thích** (Indra) rằng: *“Tội nhân này được đem vào Địa Ngục nào? Tội nặng nhẹ như thế nào?”*

Đế Thích bảo rằng: “Tội của người này chẳng thể đo lường được, chẳng thể tính đếm số lượng được. **Thiện Kim Trát** (Cái trát bằng vàng dùng để ghi điều lành) không có ghi một điều lành nào, **Ác Thiệt Trát** (Cái trát bằng sắt chuyên ghi điều ác) thì không thể tính đếm. Hãy mau tống giam hắn vào Địa Ngục **A Tỳ** (Avīci)”

Khi Ngục Tốt vâng lệnh liền ném tội nhân vào Địa Ngục, tức thời Địa Ngục tự nhiên biến thành ao sen chứa đầy nước tám Công Đức. Trong ao ấy có mọi thứ hoa sen: xanh, trắng, hồng, tím với màu sắc vượt hẳn các thứ sen khác. Trên mỗi tòa ngai của từng đóa sen đều có một tội nhân ngồi và tội nhân này không hề có sự khổ đau.

Ngay lúc ấy **Ngục Tốt Đầu Trâu Đầu Ngựa** của vua Diêm La cùng nhau nói rằng: *“Ngục này lạ thay! Tội nhân này bị bắt làm rồi! Địa Ngục biến thành Tịnh Thổ, Tội Nhân chẳng khác với Phật. Ta đã thấy nghe sự việc như vậy”*

Bấy giờ vua Diêm La đi đến **cung Đế Thích** (Indra-pura) bạch rằng: *“Câu Bác này chẳng phải là người có tội nên mới có Thần Thông như bên trên nói”*

Đế Thích đáp rằng: *“Lúc sống, hắn chưa từng làm một việc thiện nào cho dù nhỏ như hạt bụi. Quả thật Ta chẳng biết nỗi điều này”*

Đế Thích liền đi đến cõi Phật bạch với **Đức Thích Ca Văn Phật** (Śākya-muṇi-buddha) rằng: *“Câu Bác đã làm việc thiện như thế nào mà lại có thần biến như thế?”*

Khi ấy Đức Phật bảo Đế Thích rằng: *“Ngay thuở sinh tiền Câu Bác chẳng hề làm một việc thiện nào. Hãy nhìn xem hài cốt của hắn ở nhân gian ra sao”*

Đế Thích liền đến nơi chôn cất hài cốt của Câu Bác thì thấy cách nơi này một dặm về phía Tây có một cái **Tốt Đồ Ba** (Stūpa: tháp nhiều tầng). Trong cái tháp ấy có để Chân Ngôn Căn Bản này. Do cái Tháp bị mục nát nên Chân Ngôn rơi rớt trên mặt đất. Một Chũ của bài văn ấy nương theo gió thổi dính trên hài cốt của Câu Bác.

Bấy giờ Đế Thích lại đến xem điều kỳ dị ở tám Địa Ngục thì thấy mỗi khi dời Câu Bác đến Địa Ngục nào tức thời nơi ấy liền biến thành nơi không có sự đau khổ. Lúc ấy Câu Bác và các tội nhân đều có đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp. Một thời ở Thế Giới **Liên Hoa Đài Tạng** thành chư Phật Bồ Tát. Đức **Phật Vô Cấu** (Amala-buddha) ở Thế Giới nơi phương trên là **Câu Bác** vậy.

Công năng diệt tội còn như vậy, huống chi là tự mình trì tụng. Nếu người chí Tâm trì niệm thì còn có chút tội nào sao?!...Cho nên Chân Ngôn này có tên là **Tùy Cầu**

Tức Đắc Thành Phật vậy. Cầu Phước Đức tự tại, cầu bảy báu tự tại vậy. Nhân đây Chân Ngôn này có 7 tên gọi là :

1) **Tâm Phật Tâm Chân Ngôn**: Trí Tâm trong Tâm Trí của Tỳ Lô Giá Na Như Lai

2) **Nhất Thiết Phật Tâm Ấn Chân Ngôn**: Ấn Trí Tâm thâm sâu của chư Phật

3) **Quán Đỉnh Chân Ngôn**: Quán đỉnh người trì niệm

4) **Quán Đỉnh Ấn Chân Ngôn**: Tẩy rửa phiền não, ấn Bồ Đề

5) **Kết Giới Chân Ngôn**: Trừ tội chướng, tịch trừ chư Ma

6) **Phật Tâm Chân Ngôn**: Tâm Trí chân thật của Phật

7) **Tâm Trung (Chân Ngôn)**: Không có gì vượt hơn được Pháp này

Người Trì Niệm cũng lại như vậy, như Đức Phật là Đấng thù thắng bậc nhất trong các Đấng **Pháp Vương** (Dharma-rāja)

Này Diệt Ác Thú! Chân Ngôn này hay cứu tất cả chúng sinh. Chân Ngôn này hay khiến cho tất cả chúng sinh xa lìa các khổ não. Chân Ngôn này hay tạo sự lợi ích lớn cho tất cả chúng sinh, làm mãn sự ước nguyện. Như Đức Phật hay cứu tất cả chúng sinh bị khổ não. Như kẻ bị rét lạnh gặp được lửa sưởi ấm. Như kẻ trần truồng được quần áo mặc. Như con côi được gặp mẹ. Như kẻ vượt sông được thuyền bè. Như người bệnh tật được thuốc chữa. Như nơi tăm tối được đèn chiếu sáng. Như kẻ nghèo túng được của báu. Như ngọn đuốc diệt trừ ám tối.

Chân Ngôn này cũng lại như vậy, hay khiến cho chúng sinh xa lìa tất cả khổ với tất cả bệnh não, hay giải mở tất cả sự cột trói của sinh tử. Đây là thuốc hay cho người bệnh ở cõi **Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpa). Nếu người có bệnh được nghe Chân Ngôn này thì bệnh liền tiêu diệt.

Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện tâm nghe qua Chân Ngôn này thì hết thảy tất cả tội chướng đều được tiêu diệt. Hoặc tuy đã phạm dâm với tất cả người nữ thì vẫn chẳng chịu khổ đau nơi thai sinh. Tại sao vậy? Vì người trì Chân Ngôn gần gũi cúng dường hoặc nam hoặc nữ đều đã được chuẩn bị sẵn Thân Phật.

Nếu người hay trì tụng thì nên biết người đó tức là Thân Kim Cương, lửa chẳng thể đốt. Nên biết Như Lai dùng sức Thần Thông ủng hộ người đó. Nên biết người đó là Thân Như Lai. Nên biết người đó là Thân của Tỳ Lô Giá Na Như lai. Nên biết người đó là Kho Tàng của Như Lai. Nên biết người đó là con mắt của Như Lai. Nên biết người đó mặc giáp trụ Kim Cương. Nên biết người đó là Thân Quang Minh. Nên biết người đó là Thân bất hoại. Nên biết người đó hay tòi phục tất cả oán địch. Nên biết hết thảy tội chướng của người đó thảy đều tiêu diệt. Nên biết Chân Ngôn này hay trừ nỗi khổ của Địa Ngục.

Ta vì Phật Đạo, ở vô lượng cõi, từ xưa đến nay, rộng nói các Pháp chẳng thể đo lường được. Ở trong các Pháp đó thì Chân Ngôn này là tối thắng bậc nhất, chẳng có gì có thể so sánh được. Ở trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới tuy giết hại tất cả chúng sinh vẫn chẳng bị đọa vào nẻo ác. Tất cả đều do uy lực của Chân Ngôn này hướng chỉ là phải chịu nạn khổ ở nhân gian. Thường khiến tuôn mưa bảy Báu, không có bệnh hoạn tai nạn, tất cả sự mong cầu đều được mãn túc, thân tâm an ổn, phước thọ vô lượng.

Này Diệt Ác Thú! Dưới đây có bảy Chân Ngôn nhỏ dành riêng cho người nào chẳng thể trì niệm. Tên riêng của Chân Ngôn Căn Bản, nếu có người nam, kẻ nữ chẳng thể trì nổi Đại Chân Ngôn thì tùy theo sức mà thọ trì các Chân Ngôn này vậy.”

Lại nói mỗi một Chân Ngôn là:

Tâm Phật Tâm Chân Ngôn :

Ấn, tát phộc đát tha nghiệt đa một đê (Thế Giới chín Hội của Tỳ Lô Giá Na Như Lai)

[OM SARVA TATHĀGATA MŪRTTE]

Bát-la phộc la vĩ nga đa bà duệ (Bốn Trí Như Lai)
 [PRAVARA VIGATA BHAYE]
Xả ma dã bà-phộc minh (Nhất Thiết Trí của Như Lai)
 [ŚAMAYA SVAME]
Bà nga phộc để tát phộc bá bệ tỳ-được (Bốn Trí, Nhất Thiết Trí)
 [BHAGAVATI SARVA PĀPEBHYAḤ]
Sa-phộc sa để bà phộc đổ mẫu nễ mẫu nễ (37 Tôn)
 [SVĀSTIRBHAVATU MUṆI MUṆI]
Vĩ mẫu nãnh tả lệ (Tất cả Trí của 37 Tôn)
 [VIMUṆI CALE]
Tả la nãnh bà dã vĩ nga đế (16 Tôn Đồi Hiền Kiếp)
 [CALANA BHAYA VIGATE]
Bà dã hạ la ni (Nhất Thiết Trí)
 [BHAYA HĀRAṆI]
Mạo địa mạo địa (Độ chúng sinh)
 [BODHI BODHI]
Mạo đà dã mạo đà dã (Ban Trí Tuệ cho chúng sinh)
 [BODHIYA BODHIYA]
Một địa li một địa li (Ban thuốc tốt lành cho chúng sinh)
 [BUDHILI BUDHILI]
Tát phộc đất tha nghiệt đa (Ban trân bảo, thức ăn uống cho chúng sinh)
 [SARVA TATHĀGATA]
Hột-li nãi gia túc sắt-tai, sa-phộc hạ (Ban an vui cho chúng sinh)
 [HRDAYA JUṢṬAI SVĀHĀ]

Nhất Thiết Phật Tâm Ấn Chân Ngôn:

Ấn, phộc nhật-la phộc để (Chư Phật ba đời)

[OM VAJRA-VATI]

Phộc nhật-la bát-la để sắt-xỉ đế, truật đệ. Tát phộc đất tha nga đa mẫu nại-la
 (Tất cả Trí Ấn thành tựu sáu Ba La Mật)

[VAJRA PRATIṢṬITE ŚUDDHE SARVA TATHĀGATA-MUDRA]

Địa sắt-xá nãng địa sắt-xỉ đế ma hạ mẫu đất lệ, sa-phộc hạ (Thành tựu sự linh
 nghiệm của tất cả các Pháp ngay trong đời này)

[ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHĀ-MUDRE SVĀHĀ]

Quán Đỉnh Chân Ngôn:

Ấn, mẫu nãnh mẫu nãnh (Tất cả Như Lai đều tập hội)

[OM MUṆI MUṆI]

Mẫu nãnh phộc lệ (Tuôn ra nước Trí)

[MUṆI VARE]

A tỳ tru tả đổ hàm (Tất cả Như Lai duỗi cánh tay màu vàng)

[ABHIṢIṀCA TUMĀM]

Tát phộc đất tha nghiệt tha (Dùng nước Trí rưới lên đỉnh đầu)

[SARVA TATHĀGATA]

Tát phộc vĩ nễ-dã tỳ sái tứ diệm (Tẩy rửa 160 sở tri chướng phiền não trong
 thân)

[SARVA VIDYA ABHIṢEKAI]

Ma hạ phộc nhật-la hạ phộc tả (Vĩnh viễn cắt đứt tất cả khổ của sinh tử)

[MAHĀ-VAJRA KAVACA]

Mẫu nại-la mẫu nại-lị đối (Nhập vào Ta)

[MUDRA MUDRITEH]

Tát phộc đa tha nga đa hột-lị nãi dạ địa sắt-xỉ đa, phộc nhật-lệ, sa-bà hạ
(Ngang đồng với Thân trần khắp Pháp Giới của Như Lai)

[SARVA TATHĀGATA-HRDAYA ADHIṢṬITA VAJRE SVĀHĀ]

Quán Đỉnh Ấn Chân Ngôn:

Ấn, a mật-lật đa phộc lệ (Chư Phật tập hội tuôn ra nước Trí, xoa đỉnh đầu hộ niệm thành tựu)

[OM AMṚTA VARE]

Phộc la phộc la (Thành tựu Bồ Đề)

[VARA VARA]

Bát-la phộc la vĩ truật đệ (Thành tựu Đẳng Chính Giác)

[PRAVARA VIŚUDDHE]

Hồng (Cắt đứt phiền não của chúng sinh)

[HŪM]

Hồng (Cắt đứt sở tri chướng của chúng sinh)

[HŪM]

Phát tra, phát tra, sa-bà hạ (Ta, Người thành tựu Niết Bàn)

[PHAT PHAT SVĀHĀ]

Kết Giới Chân Ngôn:

Ấn, a mật-lật đa vĩ lộ chỉ nãnh (Thành ngọn lửa nóng)

[OM AMṚTA VILOKINI]

Nghiệt bà tăng la khát-sái ni a yết sái ni (Thành lưới sắt vây quanh bức tường thành bằng sắt rọc lửa)

[GARBHA SAMRAKṢAṆI]

Hồng (Tịch trừ quỷ Thần)

[HŪM]

Hồng (Sát hại hết thầy Quỷ Thần)

[HŪM]

Phát tra phát tra (Tất cả Quỷ Thần đều thành hạt bụi nhỏ cũng chẳng thể sinh)

[PHAT PHAT]

Sa-bà ha (Thành tựu)

[SVĀHĀ]

Phật Tâm Chân Ngôn:

Ấn, vĩ ma lê (Trí Như Lai tràn khắp Pháp Giới)

[OM VIMALE]

Nhạ dã, phộc lệ, a mật-lật đế, hồng hồng hồng hồng, phát tra phát tra (Tất cả chúng sinh trong ba cõi đều có Phật Tính, thành tựu)

[JAYA VARE AMṚTE HŪM HŪM HŪM HŪM PHAT PHAT SVĀHĀ]

Tâm Trung Tâm Chân Ngôn:

Ấn, bả la bả la tam bạt la tam bạt la (Trí Tâm của Như Lai lợi ích cho chúng sinh)

[OM BHARA BARA SAMBHARA SAMBHARA]

Ấn nại-lị dã, vĩ thú đà nãnh, hồng hồng, lỗ lỗ tả sơ (Tâm, Phật, Chúng sinh... cả 3 điều này không có sai khác)

[INDRIYA VISODHANE HŪM HŪM RURU CALE]

Sa-bà ha

[SVĀHĀ]

Đức Phật bảo Diệt Ác Thú Bồ Tát rằng: “Chân Ngôn này có tên là **Tùy Cầu Tức Đắc Chân Ngôn** hay trừ tất cả tội nghiệp đặng chướng, hay phá tất cả nỗi khổ của con đường uế ác

Này Diệt Ác Thú! Chân Ngôn này được vô số ức cang già sa câu chi trăm ngàn chư Phật cùng nhau tuyên nói. Người tùy vui thọ trì sẽ được Trí Ẩn của Như Lai ẩn lên, hay phá con đường uế ác cho tất cả chúng sinh, hay nhanh chóng đến cứu nạn khổ khiến cho chúng sinh bị đọa trong biển sinh tử được giải thoát. Vì chúng sinh đoản mệnh, kém phước không có người cứu hộ với các chúng sinh ưa tạo mọi nghiệp ác mà diễn nói.

Lại nữa Chân Ngôn này khiến cho các loại chúng sinh ở mọi nơi khổ đau như : Địa Ngục, nẻo ác...mọi loại đang lưu chuyển trong biển sinh tử, chúng sinh kém phước, kẻ bất tín đánh mất Chính Đạo... như vậy đều được giải thoát”

Bấy giờ Đức Phật bảo: “Này Diệt Ác Thú! Ta đem Chân Ngôn này phó chúc cho ông, dùng uy lực của Chân Ngôn này để cứu độ tất cả chúng sinh trong biển khổ. Diệt Ác Thú ! Ông nên trì niệm **quán hạnh** thủ hộ đừng để cho quên mất .

Này Diệt Ác Thú! Nếu có người trong phút chốc được nghe Chân Ngôn này thì một ngàn kiếp trở lại bao nhiêu nghiệp ác chướng nặng đã tạo tác gom chứa đáng nhận mọi thứ sinh tử lưu chuyển nơi Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, Diêm La Vương Giới, thân A Tu La, Dạ Xoa, La Sát, Quỷ Thần, Bồ Đan Na, A Ba Sa Ma La, muỗi mòng, Rồng, Rùa, Chó, Trăn, Rắn, tất cả loài chim, các loài thú mạnh, tất cả loài hàm linh cựa quây cử động cho đến thân của loài trùng, kiến..... ắt chẳng còn thọ nhận trở lại nữa, luôn được chuyển sinh ở cùng chỗ với vị Nhất Bồ Xứ Bồ Tát của chư Phật Như Lai, đồng với BỒ Tát cùng sinh vàm một nơi, hoặc được sinh vào nhà Đại Tính Bà La Môn, hoặc được sinh vào nhà giàu có tối thắng.

Này Diệt Ác Thú! Người này được sinh vào những nơi cao quý như trên đều do nghe được Chân Ngôn này, cho nên nơi chuyển sinh đều được thanh tịnh không có thoái chuyển.

Này Diệt Ác Thú! Cho đến được đến nơi tối thắng của **Bồ Đề Đạo Trường** (Bodhi-maṇḍa) đều do khen ngợi công đức của Chân Ngôn này như vậy. Do nhân duyên đây nên có tên là **Tùy Cầu Tức Đắc Chân Ngôn**.

_ Tiếp nói nhóm Mật Ấn
Mật tướng năm Như Lai
Trước, dùng Ấn ấn tim
Tiếp liền đặt trên đỉnh
Tiếp ấn trán, Tam Tinh
Tiếp ấn hai lông mày
Bên phải rồi bên trái
Đây tức đã kết xong
Thân Ta thành **Biển Chiếu** (Vairocana)
Ở lưỡi quán **Kim Cương**
Trước, chấp tay Kim Cương
Liên thành **Kim Cương Phộc**
Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) như tháp nhọn

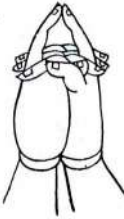
Tiền Lực (2 ngón trỏ) phụ ở lưng



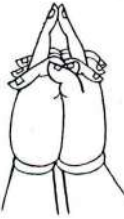
Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) đứng như bát



Co ngược như hình Báu



Dời co như hoa sen



Hợp mặt trong lòng tay
Hợp Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái)



Liên thành Ấn bí mật
Ngũ Bí Mật Ấn này
Là Mật ở trong Mật
Là Bí (sâu kín) ở trong Bí
Chẳng truyền kẻ không A (Nếu không phải là bậc A Xà Lê thì không truyền)
A Xà Lê nêu biết
Pháp, Đệ Tử, tùy Nghi
Mới làm Pháp Đàn ấy
Nhu **Nghi Quĩ Pháp Hoa** (chẳng nói ở đây)

Bấy giờ Đức Phật bảo Diệt Ác Thú Bồ Tát: “Nay ông hãy lắng nghe! Ta sẽ vì ông tuyên nói. Thọ trì Chân Ngôn này cũng vì các chúng sinh đoan mệnh mà nói. Nên tắm gội, mặc áo mới sạch, ngày ngày trì niệm **chín biến** thì chúng sinh đoan mệnh kia lại

được tăng tuổi thọ vĩnh viễn xa lìa bệnh khổ. Tất cả nghiệp chướng thảy đều được tiêu diệt, cũng được giải thoát khỏi sự khổ đau của tất cả Địa Ngục. Các loài chim bay, súc sinh, hàm linh một lần được nghe Chân Ngôn này qua lỗ tai thì khi chấm dứt thân này ắt chẳng thọ nhận lại thân đó nữa.

Nếu gặp bệnh ác, nghe Chân Ngôn này liền được vĩnh viễn xa lìa. Tất cả các bệnh cũng được tiêu diệt. Nghiệp đáng bị đọa vào nẻo ác cũng được trừ diệt, liền được vãng sinh về Thế Giới tịch tĩnh. Từ Thân này trở về sau chẳng còn thọ thân trong bào thai mà được Hóa Sinh trong hoa sen, tất cả nơi sinh ra đều là hoa sen hóa sinh. Dù sinh ra ở nơi nào cũng ghi nhớ chẳng quên, thường biết Túc Mệnh.

Nếu có người trước kia đã gây tạo ra tất cả tội nghiệp cực nặng. Mệnh nương theo nghiệp ác ấy đáng bị đọa vào Địa Ngục, hoặc đọa vào cõi súc sinh, cõi Diêm La Vương, hoặc rơi vào cõi Nga Quý cho đến rơi vào Địa Ngục **Đại A Tỳ**, hoặc sinh vào loài thủy tộc, hoặc mang thân cầm thú hay thân của loài khác... mà nghe được Đề Danh của Chân Ngôn này cho đến một chữ, qua tai một lần thì chẳng bị thọ nhận sự khổ não của các cõi đã nói như vậy. Nghiệp chướng thảy đều tiêu diệt, mau chóng sinh về cõi Phật.

Nếu có người gần gũi người trì một chữ thì kẻ ấy được Đại Niết Bàn, lại tăng thọ mệnh, nhận được sự khoái lạc thù thắng. Khi bỏ thân này liền được vãng sinh về các cõi nước có mọi thứ vi diệu, thường cùng chư Phật tụ họp tại một nơi. Tất cả Như Lai luôn vì kẻ ấy diễn nói nghĩa vi diệu. Tất cả Thế Tôn liền thọ ký cho kẻ ấy. Thân thể của kẻ ấy tỏa ánh sáng chiếu soi tất cả cõi Phật.

Nay chỉ lược nói công lực của Chân Ngôn này như vậy.

Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện đối với Chân Ngôn, niệm niệm chẳng sinh nghi. Ngờ. Hoặc có kẻ trai lành, người nữ thiện sinh Tâm nghi hoặc thì đời đời chẳng được sự linh nghiệm của Chân Ngôn. Đời này bị bệnh **Bạch Lại** (lác, cùi hủi).

Ta vì lợi ích cho chúng sinh mới nói Chân Ngôn này. Vì chúng sinh bản cùng hạ tiện để lại Báu Ma Ni Như Ý này. Đây là Pháp Tạng thâm sâu, tất cả Trí Ấn của Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Người thường trì niệm cần phải cung kính như cung kính Đức Phật.

TÙY CẦU TỨC ĐẮC CHÂN NGÔN NGHI QUỸ

Hết

Nước Đại Đường, chùa Thanh Long, Nội Cúng Phụng Sa Môn ĐÀM TRINH tu sửa tạo dựng bản Chân Ngôn ghi trên bia

Thất Thập Thiên Chân Ngôn :

Năng mạc tam mạn đa mạo đa nam. Án, tát nhật phộc đệ bà đa nam duệ kế cơ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ OM SARVA DEVATĀ NĀYIKA _KAḤ

_Nguyên Vĩnh, năm thứ hai, tháng 11, ngày mồng chín, giờ Ngọ viết xong

Ở mặt Tây của viện **Liên Tạng** duyệt xong. Cực Nguyệt (? tháng 12) ngày 28

TRÙNG GIÁC

Hiệu chỉnh xong vào ngày 12/05/2014